

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 5 – 2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Trang

2. Bà Lê Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thủy T**, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: số 170, tổ H, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: K-ken, Yokohama-shi, T1– ku, K -20-12, căn hộ chất lượng cao Yamada, phòng 206, Nhật Bản.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng Thị Bích P – Văn phòng L và cộng sự, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

Bị đơn: Anh **Lê Quang D**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số F, khóm A, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T trình bày:***

Qua quen biết, chị và anh D tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long ngày 08/6/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng lối sống và tính cách nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay.

Nay xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, không ai quan tâm đến ai, do đó chị yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Lê Quang D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung: Lê Cát Yên Đ, sinh ngày 19/7/2017 hiện đang sống với anh D; Lê Đức Quân T, sinh ngày 16/12/2019 và Lê Đức Quân B, sinh ngày 02/11/2020 hiện đang sống với chị. Nay ly hôn chị tự nguyện giao con chung Lê Cát Yên Đ, sinh ngày 19/7/2017 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị yêu cầu nuôi hai con chung Lê Đức Quân T, sinh ngày 16/12/2019 và Lê Đức Quân B, sinh ngày 02/11/2020, chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi Lê Đức Quân B, sinh ngày 02/11/2020 mỗi tháng là 1.500.000 đồng đến khi Quân B đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi Quân T.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

****Tại bản tự khai ngày 23/01/2025 bị đơn anh Lê Quang D trình bày:***

Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng.

Nay theo yêu cầu của nguyên đơn anh có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thủy T.

Về con chung: Anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Cát Yên Đ, sinh ngày 19/7/2017 không yêu cầu chị Thủy T cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý giao hai con chung Lê Đức Quân T, sinh ngày 16/12/2019 và Lê Đức Quân B, sinh ngày 02/11/2020 cho chị Thủy T tiếp tục nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi Lê Đức Quân B, sinh ngày 02/11/2020 mỗi tháng là 1.500.000 đồng đến khi Quân B đủ 18 tuổi, anh D không phải cấp dưỡng nuôi Quân T.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

****Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/4/2025, cháu Lê Cát Yên Đ trình bày:***

Lê Cát Yên Đ là con chung của nguyên đơn Nguyễn Thị Thủy T và bị đơn Lê Quang D, hiện đang sống chung với cha Lê Quang D và theo học trường tiểu học P1 tại phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Nay cha, mẹ ly hôn nguyện vọng con chung Lê Cát Yên Đ muốn sống cùng cha.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Luật sư Đặng Thị Bích P gửi luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thủy T trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51,56,81,82 luật hôn nhân gia đình 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thủy T.

Về con chung: Giao con chung Lê Cát Yên Đ, sinh ngày 19/7/2017 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng; giao hai con chung Lê Đức Quân T, sinh ngày 16/12/2019 và Lê Đức Quân B, sinh ngày 02/11/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng con chung Lê Đức Q Bảo mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi Lê Đức Quân T và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Cát Yên Đ.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thủy T. Cho chị Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với anh Lê Quang D. Về con chung: Giao con chung Lê Cát Yên Đ, sinh ngày 19/7/2017 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng; giao hai con chung Lê Đức Quân T, sinh ngày 16/12/2019 và Lê Đức Quân B, sinh ngày 02/11/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng con chung Lê Đức Q Bảo mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi Quân B đủ 18 tuổi, anh D không phải cấp dưỡng nuôi Lê Đức Quân T và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Cát Yên Đ. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh D chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thủy T với anh Lê Quang D là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 127 của Luật Hôn nhân gia đình Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự đang sinh sống tại nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T và bị đơn anh Lê Quang D có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 08/6/2017 cho chị Thủy T và anh Quang D, do đó hôn nhân giữa chị Thủy T và anh Quang D là hôn nhân hợp pháp.

Chị Thủy T trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Hiện tại chị Thủy Tiên sinh S tại Nhật Bản, anh Quang D sinh sống tại Việt Nam. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Thủy T và anh Quang D không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, không chăm sóc, không yêu thương nhau. Do chị Thủy T và anh Quang D vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình của N làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời anh Quang D cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Thủy T, nên cho chị Thủy T được ly hôn với anh Quang D là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Chị Thủy T và anh Quang D thừa nhận trong thời gian sống chung vợ chồng có 03 người con chung gồm: Lê Cát Yên Đ, sinh ngày 19/7/2017 hiện do anh Quang D trực tiếp nuôi dưỡng, Lê Đức Quân T, sinh ngày 16/12/2019 và Lê Đức Quân B, sinh ngày 02/11/2020 hiện do chị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Thủy T yêu cầu được tiếp tục nuôi Quân T và Quân B, đồng ý giao Yên Đ cho anh Quang D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Quang D đồng ý giao Quân T và Quân B cho chị Thủy T tiếp tục nuôi dưỡng, anh sẽ tiếp tục nuôi dưỡng Y. Tại biên bản ghi lời khai của con chưa thành niên, Lê Cát Yên Đ có nguyện vọng sống chung với anh Quang D. Do đó, để ổn định cuộc sống cho các con chung nên giao con chung Lê Cát Yên Đ, sinh ngày 19/7/2017 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, giao hai con chung Lê Đức Quân T, sinh ngày 16/12/2019 và Lê Đức Quân B, sinh ngày 02/11/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thủy T yêu cầu anh Quang D cấp dưỡng nuôi Lê Đức Quân B, sinh ngày 02/11/2020 mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi Quân B đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Quang D cấp dưỡng nuôi Quân T2, anh Quang D đồng ý cấp dưỡng nuôi Quân B mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi Quân B đủ 18 tuổi, anh Quang D không yêu cầu chị Thủy T cấp dưỡng nuôi Y. Do đó, buộc anh Quang D cấp dưỡng nuôi Quân B mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi Quân B đủ 18 tuổi; anh Quang D không phải cấp dưỡng nuôi Quân T, chị Thủy T không phải cấp dưỡng nuôi Yên Đan là có căn cứ.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thủy T và anh Quang D trình bày không có, không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thủy T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Lê Quang D chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 123, Điều 126 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự N; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thủy T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với anh Lê Quang D.

- Về con chung và cấp dưỡng: Giao con chung Lê Cát Yên Đ, sinh ngày 19/7/2017 cho anh Lê Quang D tiếp tục nuôi dưỡng, chị Thủy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Cát Yên Đ; giao hai con chung Lê Đức Quân T, sinh ngày 16/12/2019 và Lê Đức Quân B, sinh ngày 02/11/2020 cho chị Nguyễn Thị Thủy T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Lê Quang D cấp dưỡng con chung Lê Đức Q Bảo mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) đến khi Quân B đủ 18 tuổi; anh Quang D không phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Đức Quân T.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/5/2025).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thủy T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015181 ngày 03/12/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị Nguyễn Thị Thủy T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Lê Quang D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- Chánh án; 01
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND xã Tân Lược; 01;
- Lưu: 05.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thị Tư